

Số: **09** /2022/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **09** tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu
giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023
và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông báo số 1228-TB/TU ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Nghị quyết Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách;

Xét Tờ trình số 262/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách; Báo cáo thẩm tra số 116/BC-KTNS ngày 06 tháng 12 năm



2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết:

a) Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2022.

b) Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định phân cấp nguồn thu tiền chậm nộp cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: TC, TP;
- Vụ Pháp chế (Bộ TC);
- Cục KTVBQPPL (Bộ TP);
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- ĐB HĐND TP khóa XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH và HĐND, UBND TP;
- Các Sở: TC, KH và ĐT, TN và MT, TP;
- TTQU, TTHU các quận, huyện;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập

QUY ĐỊNH

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm 2023 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách

(Kèm theo Nghị quyết số **09** /2022/NQ-HĐND
ngày **09** tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách ở địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2023 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị do thành phố quản lý.
2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán thu, chi ngân sách nhà nước.

CHƯƠNG II PHÂN CẤP NGUỒN THU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 3. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý (trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên).
2. Lệ phí môn bài thu từ: các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương; các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý.
3. Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.
4. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

5. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách thành phố đầu tư tại các tổ chức kinh tế (bao gồm cả gốc và lãi); thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu; thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng phần vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu (nếu có).

6. Thu từ bán tài sản nhà nước (tài sản công), kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu đơn vị hoặc doanh nghiệp mà có vốn của ngân sách thành phố tham gia trước khi thực hiện cổ phần hóa, sắp xếp lại và các đơn vị, tổ chức khác thuộc thành phố quản lý.

7. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của địa phương.

8. Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố từ năm trước chuyển sang.

9. Thu kết dư ngân sách thành phố (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).

10. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách thành phố.

11. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc thành phố quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

12. Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý thực hiện thu.

13. Tiền thu từ xử phạt các vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước thuộc thành phố quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu.

14. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách thành phố.

15. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

16. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc thành phố xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

17. Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của thành phố.

18. Tiền sử dụng đất các dự án do thành phố tổ chức thực hiện.

19. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) do thành phố quản lý và tổ chức thực hiện.

20. Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước (phần ngân sách địa phương được hưởng) theo quy định của pháp luật.

21. Các khoản thu khác nộp ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách quận, huyện hưởng 100%

1. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý. Riêng huyện An Dương, Thủy Nguyên: bao gồm cả các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân do Cục Thuế thành phố quản lý trên địa bàn.

2. Lệ phí môn bài thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý.

3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện tổ chức thu.

4. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thuộc quận, huyện quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật.

5. Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện quản lý thực hiện thu.

6. Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật do các đơn vị thuộc quận, huyện quyết định xử lý.

7. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách quận, huyện.

8. Thu kết dư ngân sách quận, huyện (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).

9. Thu chuyển nguồn của ngân sách quận, huyện từ năm trước chuyển sang.

10. Thu bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố.

11. Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất của các cá nhân và hộ

gia đình) do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý.

12. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý (đối với các quận: Lê Chân, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và các huyện).

13. Thu từ bán tài sản nhà nước (tài sản công) theo phân cấp của thành phố.

14. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc quận, huyện xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

15. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật nộp ngân sách quận, huyện theo quy định.

Điều 5. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh.

2. Lệ phí trước bạ nhà đất của các cá nhân và hộ gia đình.

3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ thuộc xã, phường, thị trấn quản lý thực hiện, trường hợp được cấp có thẩm quyền cho khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ.

4. Lệ phí do xã, phường, thị trấn quản lý thực hiện thu.

5. Các khoản xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác phần nộp ngân sách theo qui định của pháp luật do xã, phường, thị trấn quyết định xử lý.

6. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp do xã, phường, thị trấn quản lý hoặc được ủy quyền thu.

7. Huy động, đóng góp tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

8. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

9. Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn (phần đưa vào thu ngân sách năm sau).

10. Thu chuyển nguồn của ngân sách xã, phường, thị trấn từ năm trước chuyển sang.

11. Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện.

12. Thu từ bán tài sản nhà nước (tài sản công) theo phân cấp của thành phố.

13. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc xã, phường, thị trấn xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật.

14. Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố

1. Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý; các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên).

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý; các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên).

3. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân phát sinh trên địa bàn huyện Thủy Nguyên).

4. Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước; trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên).

5. Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Thủy Nguyên).

Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố - ngân sách quận, huyện

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý (đối với các quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An).

2. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt (theo khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6 Quy định này) của các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên.

3. Thuế thu nhập cá nhân phát sinh trên địa bàn huyện Thủy Nguyên.

4. Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) của các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Thủy Nguyên.

Điều 8. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách quận, huyện

Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý (đối với các quận: Lê Chân, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và các huyện: Kiến Thụy, Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Hải).

Điều 9. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố - ngân sách quận, huyện - ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và tổ chức do cấp xã tổ chức thu trên địa bàn phường thuộc quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An.

2. Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh tổ chức thu trên địa bàn phường thuộc quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An.

Điều 10. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách thành phố - ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và tổ chức do cấp xã tổ chức thu trên địa bàn xã, thị trấn thuộc huyện: An Dương, Thủy Nguyên.

2. Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh tổ chức thu trên địa bàn xã, thị trấn thuộc huyện: An Dương, Thủy Nguyên.

Điều 11. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương - ngân sách quận, huyện - ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và tổ chức do cấp xã tổ chức thu trên địa bàn phường thuộc quận: Lê Chân, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và xã, thị trấn thuộc huyện: Kiến Thụy, Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Hải.

2. Thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh tổ chức thu trên địa bàn phường thuộc quận: Lê Chân, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh và xã, thị trấn thuộc huyện: Kiến Thụy, Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Hải.

Điều 12. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách thành phố - ngân sách quận, huyện

1. Tiền sử dụng đất phân cấp cho các quận, huyện tổ chức thực hiện.
2. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) do Chi cục Thuế khu vực quận, huyện quản lý (đối với các quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An).

Điều 13. Phân cấp, phân chia khoản thu tiền chậm nộp

1. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng từng tiểu mục theo quy định hệ thống mục lục ngân sách nhà nước: Thực hiện phân cấp, phân chia theo khoản thu phát sinh tiền chậm nộp được quy định từ Điều 3 đến Điều 12 và Điều 19 Quy định này.

2. Đối với khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu:

Tiền chậm nộp các khoản: Lệ phí môn bài; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; thu tiền sử dụng đất; thu tiền cho thuê đất, mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí); thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; lệ phí trước bạ; thu từ bán tài sản thuộc sở hữu nhà nước; phí bảo vệ môi trường (đối với nước thải, đối với khí thải, đối với khai thác khoáng sản); phí, lệ phí do các cơ quan đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không kể lệ phí môn bài, lệ phí trước bạ, phí bảo vệ môi trường); thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật (phần thuộc ngân sách nhà nước theo quy định); thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác; thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; các khoản thu khác ngân sách địa phương: Thực hiện phân cấp và phân chia theo nguyên tắc số thu tiền chậm nộp từ người nộp với cấp nào quản lý thì ngân sách cấp đó hưởng 100% (cấp tỉnh quản lý thu thì ngân sách thành phố hưởng 100%, cấp huyện quản lý thu thì ngân sách quận, huyện hưởng 100%, cấp xã quản lý thu thì ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%).

3. Các khoản thu tiền chậm nộp do đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý nộp ngân sách nhưng địa phương được hưởng: Ngân sách thành phố hưởng 100%.

CHƯƠNG III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 14. Nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:
 - a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án theo các lĩnh vực

do thành phố quản lý.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của thành phố theo quy định của pháp luật; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục: Gồm các trường trung học phổ thông, các trường chuyên biệt, các trường mầm non do thành phố quản lý và sự nghiệp giáo dục khác.

b) Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề do thành phố quản lý (không kể chi thường xuyên của các Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên, các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị các quận, huyện).

c) Sự nghiệp khoa học và công nghệ.

d) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy phân giao cho thành phố quản lý.

đ) Sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình (bao gồm cả các Bệnh viện đa khoa tuyến huyện, Trung tâm y tế và Trạm y tế).

e) Sự nghiệp văn hóa thông tin do thành phố quản lý.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do thành phố quản lý.

h) Sự nghiệp thể dục thể thao do thành phố quản lý.

i) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do thành phố quản lý.

k) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do thành phố quản lý.

l) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do thành phố quản lý.

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

n) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do thành phố quản lý.

o) Các khoản chi thường xuyên khác do thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính

quyền thành phố vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của ngân sách thành phố.

5. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách quận, huyện.

6. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách thành phố.

7. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 15. Nhiệm vụ chi của ngân sách quận, huyện

1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do quận, huyện quản lý:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án theo các lĩnh vực do quận, huyện quản lý.

b) Các khoản chi đầu tư phát triển khác do quận, huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị thuộc quận, huyện quản lý trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục: Bao gồm chi thường xuyên và tăng cường cơ sở vật chất ở các cấp học: trung học cơ sở, tiểu học, mầm non do quận, huyện quản lý và sự nghiệp giáo dục khác.

b) Sự nghiệp đào tạo (bao gồm cả đào tạo lại) và dạy nghề của các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị, Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên do quận, huyện quản lý.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy phân giao cho quận, huyện quản lý.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình (bao gồm nhiệm vụ chi của các Phòng Y tế quận, huyện, các hoạt động y tế khác do quận, huyện quản lý).

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin do quận, huyện quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do quận, huyện quản lý.

g) Sự nghiệp thể dục thể thao do quận, huyện quản lý.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do quận, huyện quản lý.

i) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch; thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do quận, huyện quản lý.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do quận, huyện quản lý.



l) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc quận, huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

m) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội do quận, huyện quản lý theo quy định của pháp luật.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

o) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

3. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

4. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách quận, huyện.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 16. Nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển: Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do xã, thị trấn, phường quản lý.

2. Chi thường xuyên của xã, phường, thị trấn quản lý trong các lĩnh vực:

a) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; các tổ chức chính trị - xã hội do xã, phường, thị trấn quản lý.

b) Các khoản chi phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố.

c) Chi bảo đảm xã hội, bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật do xã, phường, thị trấn quản lý.

d) Các hoạt động kinh tế: Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản; giao thông; tài nguyên; quy hoạch (theo quy định của Luật quy hoạch); thương mại, du lịch; hoạt động kiến thiết thị chính; các hoạt động kinh tế khác do xã, phường, thị trấn quản lý.

đ) Sự nghiệp bảo vệ môi trường do xã, phường, thị trấn quản lý.

e) Sự nghiệp thể dục thể thao do xã, phường, thị trấn quản lý.

g) Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh do xã, phường, thị trấn quản lý.

h) Sự nghiệp văn hóa thông tin do xã, phường, thị trấn quản lý.

i) Sự nghiệp giáo dục: Hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo trên địa bàn.

k) Chi hoạt động sự nghiệp y tế dân số và gia đình do xã, phường, thị trấn quản lý.

l) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy, chữa cháy (Công tác dân quân tự vệ và trật tự, an toàn xã hội ở xã, phường, thị trấn).

m) Hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc xã, phường, thị trấn quản lý theo quy định của pháp luật.

n) Các khoản chi thường xuyên khác do xã, phường, thị trấn quản lý theo quy định của pháp luật.

o) Chi cho nhiệm vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ).

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách xã, phường, thị trấn.

4. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 9, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

CHƯƠNG IV

THƯỜNG VƯỢT THU CHO CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Điều 17. Hết năm ngân sách, trường hợp có tăng thu, trên cơ sở báo cáo kết quả thực hiện thu ngân sách năm của các quận, huyện (có xác nhận của Kho bạc nhà nước), việc thưởng tăng thu so với dự toán từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách thành phố và ngân sách quận, huyện phần ngân sách thành phố được hưởng thực hiện theo nguyên tắc:

1. Đối với các khoản thu cân đối (không kể thu tiền sử dụng đất):

a) Mức thưởng cho các địa phương có tăng thu được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vượt thu nhưng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách thành phố được hưởng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

b) Căn cứ xét thưởng cho từng địa phương là tổng các khoản thu phân chia trên địa bàn địa phương, không tính riêng từng khoản thu.

2. Đối với khoản thu tiền sử dụng đất: Mức thưởng cho các địa phương có tăng thu được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số vượt thu nhưng không quá 30% của số tăng thu phần ngân sách thành phố được hưởng và không vượt quá số tăng thu so với mức thực hiện năm trước.

3. Việc sử dụng tiền thưởng vượt thu ở cấp nào do Ủy ban nhân dân cấp đó báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

CHƯƠNG V

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

Điều 18. Các khoản thu cố định, gồm:

1. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%.

2. Các khoản thu ngân sách quận, huyện hưởng 100%.

3. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%.

Điều 19. Các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách:

1. Các khoản thu cân đối ngân sách:

Stt	Nội dung	Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách thành phố (%)	Ngân sách quận (%)	Ngân sách huyện (%)	Ngân sách phường (%)	Ngân sách xã, thị trấn (%)
1	Thuế giá trị gia tăng (không kể thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý; các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên)	24	76				
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp nhà nước Trung ương và địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn; các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các tổ chức, cá nhân do Cục Thuế thành phố Hải Phòng quản lý; các nhà thầu phụ phát sinh từ các hoạt động dịch vụ phục vụ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí (trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên)	24	76				
3	Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập phát sinh trên địa bàn huyện Thủy Nguyên)	24	76				
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước; trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên)	24	76				

Stt	Nội dung	Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách thành phố (%)	Ngân sách quận (%)	Ngân sách huyện (%)	Ngân sách phường (%)	Ngân sách xã, thị trấn (%)
5	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu; trừ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Thủy Nguyên)	24	76				
6	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, dịch vụ trong nước của các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh:						
6.1	Do thành phố quản lý trên địa bàn huyện An Dương, Thủy Nguyên						
	- Huyện An Dương	24	50		26		
	- Huyện Thủy Nguyên	24	8		68		
6.2	Do cấp huyện quản lý và tổ chức thu:						
	- Quận Hồng Bàng	24	36	40			
	- Quận Ngô Quyền	24	48	28			
	- Quận Hải An	24	55	21			
	- Các quận: Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn	24		76			
	- Huyện An Dương	24	50		26		
	- Huyện Thủy Nguyên	24	8		68		
	- Các huyện: Kiến Thụy, Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Hải	24			76		
6.3	Tổ chức thu trên địa bàn cấp xã (theo phân cấp tại Điều 9, 10, 11 Quy định này):						
	- Phường thuộc quận Hồng Bàng	24	36	30		10	
	- Phường thuộc quận Ngô Quyền	24	48	18		10	
	- Phường thuộc quận Hải An	24	55	11		10	
	- Phường thuộc quận: Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn	24		66		10	
	- Xã, thị trấn thuộc huyện An Dương	24	50				26
	- Xã, thị trấn thuộc huyện Thủy Nguyên	24	8				68
	- Xã, thị trấn thuộc huyện: Kiến Thụy, Tiên Lãng, An Lão, Vĩnh Bảo, Cát Hải	24			56		20
7	Thuế thu nhập cá nhân phát sinh trên địa bàn huyện Thủy Nguyên	24	8		68		

Stt	Nội dung	Ngân sách Trung ương (%)	Ngân sách thành phố (%)	Ngân sách quận (%)	Ngân sách huyện (%)	Ngân sách phường (%)	Ngân sách xã, thị trấn (%)
8	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) của các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện Thủy Nguyên	24	8		68		
9	Tiền thuê đất, thuê mặt nước do cấp huyện quản lý và tổ chức thu:						
	- Các quận: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Hải An		40	60			
	- Các quận: Lê Chân, Kiến An, Dương Kinh, Đồ Sơn			100			
	- Các huyện				100		

2. Thu tiền sử dụng đất

a) Đối với chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng (trừ các dự án xây dựng hạ tầng khu tái định cư): Cấp nào thực hiện được hạch toán vào ngân sách cấp đó 100%. Số tiền còn lại (được coi là 100%) thực hiện phân chia như sau:

a1) Các dự án do thành phố tổ chức thực hiện: ngân sách thành phố 100%.

a2) Các dự án được phân cấp cho quận, huyện tổ chức thực hiện: Ngân sách thành phố 80%, ngân sách quận, huyện 20% (trong đó phần ngân sách quận, huyện ưu tiên cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và chỉnh trang đô thị).

b) Thu tiền sử dụng đất ngoài quy định tại điểm a khoản này: Ngân sách thành phố 80%, ngân sách quận, huyện 20%.

Điều 20. Thực hiện hạch toán 100% về ngân sách thành phố số thu (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) từ các dự án mới đi vào hoạt động, chưa được giao trong dự toán đầu năm phát sinh trên địa bàn các quận, huyện./.